

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C T
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **192/2019/HNGĐ-ST**
Ngày: 10-4-2019
V/v “*Tranh chấp chia tài sản sau
ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C T, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Thành Trại

2/ Ông Lê Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Lữ Văn Thới - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 470/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Chia tài sản sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Cao Văn T**, sinh năm: 1977

Địa chỉ: ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* **Võ Thị S**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Nguyễn Thanh Tâm**, sinh năm: 1993.

Địa chỉ: ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang.

(Anh T, chị S có mặt; anh Tâm xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/7/2018 lời trình bày tại phiên hòa giải nguyên đơn anh Cao Văn T trình bày:

Anh Cao Văn T và chị Võ Thị S kết hôn vào tháng 8/2009, đến tháng 12/2017 được Tòa án giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số 754/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang. Theo Quyết định nêu trên thì tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nhưng sau đó không thỏa thuận được. Tài sản chung của vợ chồng gồm có phần đất diện tích 750m² (đo đạc thực tế là 314,8m²) thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00288 do UBND huyện C T cấp cho chị Võ Thị S ngày 08/01/2011; căn nhà có kết cấu vách lá, mái lợp lá, cột cây tạp, nền đất và cây trồng trên đất. Nguồn gốc thửa đất là do hai vợ chồng mua của ông Lê Văn Dũng (đã chết) vào tháng 11/2010 với giá là 30.000.000đồng. Nguồn tiền mua đất từ tiền dành dụm của hai vợ chồng và mượn của mẹ vợ là 04 chỉ vàng 24kr. Hiện tất cả tài sản do chị Sơn đang quản lý, sử dụng. Nay anh T yêu cầu chia tài sản chung phần đất diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 750m² (đo đạc thực tế là 314,8m²) cùng cây trồng trên đất là dừa và vú sữa, anh T yêu cầu nhận bằng giá trị. Đối với căn nhà lá đã không còn giá trị sử dụng và cây trồng gồm chuối và tắc (hạnh) anh T đồng ý để lại cho chị Sơn quản lý sử dụng, anh không yêu cầu chia.

Tại bản tự khai, lời trình bày tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Võ Thị S trình bày:

Chị S và anh T kết hôn vào năm 2008, đến năm 2017 được Tòa án giải quyết cho ly hôn theo Quyết định số 754/2017/QĐST-HNGĐ ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện C T, tỉnh Tiền Giang. Phần đất diện tích 750m² đang tranh chấp (đo đạc thực tế là 314,8m²) thửa đất số 41, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00288 do UBND huyện C T cấp cho chị Võ Thị S ngày 08/01/2011, nguồn gốc thửa đất là do chị mua của ông Lê Văn Dũng (hiện đã chết) vào năm 2010 với giá là 30.000.000đồng từ nguồn tiền riêng của chị là 15.000.000đồng và tiền mẹ ruột cho riêng chị là 15.000.000đồng. Sau khi kết hôn với anh T thì vợ chồng về cất nhà

chung sống trên phần đất nêu trên. Vợ chồng có bán 01 đôi bông cưới để mua cây cát căn nhà lá ở, hiện trạng căn nhà vẫn còn đến giờ. Nay chị S không đồng ý chia phần đất nêu trên theo yêu cầu của anh T vì đó là tài sản riêng của chị. Đối với yêu cầu của anh T chia cây trồng trên đất là dừa và vú sữa thì khi vợ chồng về chung sống anh T có trồng được khoảng 10 cây dừa và 02 gốc vú sữa, hiện nay dừa đã chết còn khoảng 06 cây, anh T yêu cầu chia thì chị đồng ý cho anh T bứng gốc đem đi, chị S không đồng ý chia lại giá trị cho anh T. Còn lại hơn 10 cây dừa lớn là của chủ đất cũ là ông Lê Văn Dũng trồng hiện nay đã không còn giá trị huê lợi nên chị S không đồng ý chia. Đối với căn nhà lá và cây trồng còn lại trên thửa đất là chuối và tắc, anh T để lại cho chị quản lý sử dụng, không yêu cầu chia, chị S không có ý kiến gì.

- *Tại bản ghi lời khai ngày 10/10/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Tâm trình bày:* Anh Tâm là cháu họ của chị Võ Thị S. Trên thửa đất số 41 hiện tại anh T và chị S đang tranh chấp thì anh có xây 01 tiệm hớt tóc kết cấu mái lợp tiprôximăng, nền ximăng, vách cây. Nay anh T và chị S tranh chấp anh không có ý kiến gì và cũng không có yêu cầu gì.

Tại phiên tòa anh T vẫn giữ yêu cầu chia phần diện tích đất 750m² đang tranh chấp (đo đạc thực tế là 314,8m²) thửa đất số 41, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang cùng cây trồng trên đất là dừa và vú sữa, đối với căn nhà lá và cây trồng còn lại là chuối và tắc anh T không yêu cầu chia. Anh T yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 40.000.000đồng.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia tài sản sau khi ly hôn:

- Giao cho chị S quản lý, sử dụng phần diện tích đất 750m² (đo đạc thực tế là 314,8m²) cùng cây trồng trên đất.

- Chị S có nghĩa vụ chia lại cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung là 40.000.000đồng.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia căn nhà lá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] – Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh Tâm xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Tâm.

[2] – Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Chia tài sản sau khi ly hôn”.

[3] – Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu của anh Cao Văn T yêu cầu chia phần đất diện tích 750m² (đo đạc thực tế là 314,8m²) thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00288 do UBND huyện C T cấp cho chị Võ Thị S ngày 08/01/2011 và cây trồng trên đất là dừa và vú sữa.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T và chị S trình bày thống nhất nguồn gốc thửa đất số 41 là được nhận chuyển nhượng từ ông Lê Văn Dũng vào năm 2010 với giá là 30.000.000đồng. Chị S không đồng ý chia vì cho rằng thửa đất đang tranh chấp là tài sản riêng của chị, nguồn tiền để mua thửa đất là từ nguồn tiền riêng của chị, anh T không thừa nhận và chị S cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình. Theo anh T trình bày, sau khi cưới vợ chồng mua thửa đất số 41 nêu trên của ông Lê Văn Dũng từ tiền dành dụm của hai vợ chồng và tiền mượn mẹ vợ là 04 chỉ vàng 24kr, chứng cứ anh T đưa ra để chứng minh cho lời trình bày của mình là “Biên bản sang nhượng đất” và “Biên bản bàn giao tiền sang nhượng đất” cùng đề ngày 29/11/2010 có chữ ký của anh T vào bên người mua đất và bên người giao tiền. Lời trình bày của anh T phù hợp lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định phần diện tích đất 750m² (đo đạc thực tế là 314,8m²) thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung giữa anh T và chị S. Do đó yêu cầu của anh T là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét về công sức đóng góp anh T và chị S đều khai thống nhất vợ chồng đều làm thuê, khi về chung sống cùng trồng hoa màu để thu hoa lợi, do đó công sức đóng góp là ngang nhau. Hiện chị S đang sinh sống trên phần đất nêu trên nên cần

giao cho chị S tiếp tục quản lý, sử dụng, chị S phải có nghĩa vụ chia lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung cho anh T.

[3.2] Đối với cây trồng trên đất anh T yêu cầu chia dứa và vú sữa và yêu cầu được nhận $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản. Yêu cầu này hoàn toàn phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Các cây trồng còn lại là chuối và tắc, anh T đồng ý để lại cho chị S quản lý và sử dụng, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3.3] Theo biên bản định giá tài sản ngày 10/10/2018, trên thửa đất số 41 có 11 cây dứa loại A, 01 cây dứa loại B1, 06 cây dứa loại B2; 01 cây vú sữa loại B1, 01 cây vú sữa loại D. Giá trị cây trồng dứa và vú sữa là 17.190.000đồng. Phần diện tích đất 750m² (đo đạc thực tế là 314,8m²) có giá trị là 78.700.000đồng. Tổng giá trị tài sản là 95.890.000đồng. Như vậy phần mỗi người được nhận là 47.945.000đồng. Tuy nhiên tại phiên tòa nguyên đơn anh T chỉ yêu cầu được nhận số tiền là 40.000.000đồng. Xét yêu cầu này của anh T là hoàn toàn tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Như vậy, chị S có nghĩa vụ chia tài cho anh T $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản chung số tiền là 40.000.000đồng.

[3.4] Đối với căn nhà kết cấu mái lợp lá, vách lá, nền đất, cột cây tạp, anh T đồng ý để cho chị S quản lý, sử dụng không yêu cầu chia nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này của nguyên đơn.

[3.5] Đối với tiệm hớt tóc (nhà xây tạm) có kết cấu mái lợp tiprôximăng, nềnximăng, vách cây, diện tích là 6,9m² của anh Nguyễn Thanh Tâm cất trên thửa đất số 41, các đương sự thống nhất không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản anh T tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện C T tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T và chị S phải chịu án phí theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 213, 219 Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 33, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn T về việc chia tài sản sau khi ly hôn.

2/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn Cao Văn T về việc yêu cầu chia căn nhà kết cấu mái lá, vách lá, cột cây tạp, nền đất.

- Giao cho chị Võ Thị S tiếp tục quản lý và sử dụng:

+ Phần diện tích đất 750m² (đo đạc thực tế là 314,8m²) thuộc thửa đất số 41, tờ bản đồ số 03 tọa lạc ấp L H A, xã B L, huyện C T, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00288 do UBND huyện C T cấp cho chị Võ Thị S ngày 08/01/2011 (Có sơ đồ kèm theo).

+ Cây trồng trên đất gồm: 11 cây dừa loại A, 01 cây dừa loại B1, 06 cây dừa loại B2; 01 cây vú sữa loại B1, 01 cây vú sữa loại D.

- Chị Võ Thị S có nghĩa vụ chia lại cho anh Cao Văn T $\frac{1}{2}$ giá tài sản là 40.000.000đồng (Bốn mươi triệu đồng). Thời gian thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày anh T có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị S chậm trả tiền còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí:

Anh Cao Văn T phải chịu 2.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp 750.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0008562 ngày 16/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C T, tỉnh Tiền Giang nên anh T phải nộp tiền số tiền là 1.250.000đồng.

Chị Võ Thị S phải chịu 2.794.500đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện C T;
- Chi cục THADS huyện C T;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Chinh